

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 119/2018/HS-PT

Ngày : 18/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 97/2018/TLPT-HS ngày 17/8/2018 đối với bị cáo A và bị cáo B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Các bị cáo có kháng cáo:

A (tên gọi khác: A') - sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C (chết) và bà D (chết); chồng: E (chết); con: có 03 người lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 27/9/2017 đến ngày 09/02/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn do gia đình bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

B (tên gọi khác: B') - sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện K, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông F, sinh năm 1962 và bà G, sinh năm 1971; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo A: Ông H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: I, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: B, tổ C, phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra trong vụ án này còn có bị cáo G (đã rút kháng cáo); các bị cáo H, bị cáo K không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, A có bán hàng hoá là lương thực, thực phẩm cho anh I khi anh I khai thác vàng sa khoáng tại thôn I, xã N, huyện T, tỉnh Bình Định cùng với L, M và một số người khác. Qua mua bán còn nợ A số tiền là 38.000.000đồng, A đòi nhiều lần nhưng anh I không trả vì anh I cho rằng chính anh L mới là người nợ số tiền trên.

Khoảng đầu năm 2017, A gặp G và N (đều gọi A là cô ruột), biết G và N là những đối tượng đã từng có tiền án, tiền sự, do một mình A đòi nợ anh I không chịu trả nên A nảy sinh ý định nhờ G và N đòi nợ giúp, A nói cho cả hai biết và thống nhất khi nào thấy anh I thì A điện thoại cho G và N đến đòi giúp.

Khoảng 17 giờ ngày 09/03/2017, trên đường đi ngang qua nhà hàng G ở L - X - T - Bình Định, A thấy anh I đang ngồi uống cà phê tại sân nhà hàng nên điện thoại cho G nhờ đến đòi nợ giúp. Lúc này, G đang hát karaoke ở I - Y - K - Bình Định cùng với P (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, là bạn của H), Q và R (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, là bạn của G), G rủ tất cả cùng đi nhưng chưa nói rõ là đi đòi nợ. G nói H thuê xe ô tô đi chơi, H điện thoại thuê xe của anh X, làm nghề lái xe dịch vụ, nhưng do đang chở khách nên anh X điện thoại cho anh Y (làm nghề lái xe dịch vụ) đến chở. Trong khi ngồi đợi xe ô tô, H điện thoại rủ B cùng đi. Khoảng 20 phút sau, anh Y điều khiển xe ô tô 07 chỗ, hiệu INOVA, BKS: 77A-06.222 đến chở cả nhóm đi lên hướng T – Bình Định. Trên đường đi, G nói với cả nhóm: “Lên ghé lấy tiền cho bà cô tao, có ông đây nợ bà đòi nhiều lần không trả”. Lúc này mọi người trong xe mới biết là G rủ cả nhóm đi T để đòi nợ giúp cho A, nhưng không ai nói gì, tất cả đều đồng ý. G mượn điện thoại của H gọi cho A nói mình đang lên T và bảo A ra đường đón. A nói K (là con ruột A) chở đi đòi nợ, K điều khiển xe mô tô chở A ra QL19 trước chợ K thuộc X - T - Bình Định đứng đợi G đến để cùng đi. G cùng cả nhóm đến thấy A, K. G xuống xe nói chuyện với A, sau đó quay lại nói với cả nhóm “Đi xuống đây” rồi cùng với A đi bộ, K đi xe mô tô đến nhà hàng G. Anh Y điều khiển xe ô tô chở những người còn lại trong nhóm G đi theo sau.

Khi đến nhà hàng G, A và G vào ngồi cùng bàn đối diện với anh I. K đi liền kề theo sau đến đứng bên cạnh anh I nói: “Ông nợ tiền mẹ tôi ba năm rồi không trả” và nói với G “Anh đòi giùm em đi” rồi ra trước cổng đứng chờ. Lúc này, H, B, P, R và Q đi vào trong sân nhà hàng ngồi ở bàn khác, kề bên G, cách khoảng 02m, mục đích là để cùng G uy hiếp anh I, buộc phải trả nợ cho A. A

yêu cầu anh I trả nợ nhưng anh I không chịu trả và nói chờ khi nào anh L đến gặp nói chuyện rồi trả nên G dùng những lời lẽ thô tục, lớn tiếng để yêu cầu anh I trả nợ cho A. Khoảng 10 phút, anh I vẫn không chấp nhận trả nợ nên G nói với mọi người trong nhóm: “Ra kêu xe quay lại”. B nghe và hiểu ý của G là để ép buộc anh I ra xe ô tô chở đến nơi khác ép anh I trả nợ nên ra cổng nói Y quay xe lại. G đến phía bên trái anh I, choàng tay phải qua vai phải nắm vào áo anh I, tay trái nắm vào cánh tay trái kéo anh I đứng lên và nói: “Ông theo tui lên xe đến đây nói chuyện một chút rồi tui thả ông về”. Anh I giằng co, không chịu đi, làm chiếc áo thun anh I đang mặc bị tuột ra khỏi người. G tiếp tục dùng hai tay nắm vào cánh tay trái anh I kéo ra xe ô tô đang đậu trước cổng nhà hàng. H, B và những người còn lại trong nhóm đi hai bên kê phía sau, hỗ trợ cho G. Anh W, là chủ nhà hàng cùng với một số người có mặt trong nhà hàng thấy vậy đến can ngăn thì bị nhóm G đe dọa, sợ bị đánh nên không can ngăn nữa. G kéo anh I lên xe ô tô ngồi ở hàng ghế sau cùng, những người còn lại trong nhóm G lên ngồi ở hàng ghế trước.

Sang điều khiển xe ô tô chở anh I cùng cả nhóm G theo QL19 đi về hướng Thị xã M theo sự chỉ dẫn của G. A nói K điều khiển xe mô tô chở đi theo sau được khoảng 03km, G thấy vậy đã điện thoại cho A nói không cần đi theo và chờ G gọi lại nên A và K đến nhà hàng G đợi. Trên đường đi, G buộc anh I điện thoại cho người quen để mượn tiền trả cho A rồi mới thả về. G bấm máy điện thoại để anh I nói chuyện với A, qua điện thoại anh I nói A đến nhà chị T (là bạn của anh I) đưa điện thoại cho chị T để anh I nói chuyện mượn tiền của T trả cho A. K điều khiển xe mô tô chở A đến nhà gặp chị T và thông báo cho chị T biết là anh I nợ tiền A không chịu trả nên đã bị cháu của A bắt đi. A gọi điện thoại lại cho G thông báo là đã đến nhà chị T và đưa điện thoại của mình cho chị T nói chuyện với anh I. Anh I nói chị T cho mượn tiền để trả cho A nhưng chị T nói không có tiền, chỉ có 03 chỉ vàng 24K thôi rồi tắt máy, A nghe vậy không đồng ý. K nghe vậy nói: “Nợ ba mươi mấy triệu mà đưa ba chỉ vàng làm gì, khi nào trả đủ tiền thì mới chở ông I về”. A tiếp tục gọi điện cho G nói chưa nhận được tiền và gặp anh I để thỏa thuận là A cho anh I số tiền 8.000.000 đồng trong tổng số nợ, còn lại anh I phải trả cho A 30.000.000 đồng. Nghe vậy chị T nói không đủ tiền nhưng vì sợ anh I bị hành hạ, đánh đập nên đã điện thoại cho anh M để hỏi xem có đưa tiền trả cho A không rồi điều khiển xe mô tô đến nhà hàng G gặp anh M, K và A cũng đi theo. Qua nói chuyện với chị T, anh M không đồng ý trả tiền cho A giúp anh I và đi báo cáo Công an xã L, còn chị T đi về nhà.

G nói Y chở anh I và cả nhóm đến nhà nghỉ X ở khu vực Y, phường B, thị xã M, tỉnh Bình Định. Trên đường đi, G bảo Y đến ngã tư C thuộc X - D - M - Bình Định để chở N cùng đi. Khi đến nhà nghỉ X, G đến quầy lễ tân gặp anh I (là lễ tân nhà nghỉ) thuê phòng 208 rồi dẫn anh I lên phòng, tất cả những người còn lại trong nhóm G đều đi theo vào phòng. Tại đây, G dùng tay tác anh I nhưng anh I né tránh nên không trúng, G tiếp tục buộc anh I phải liên lạc với người thân để mượn tiền trả cho A. Sợ nhóm G giữ và hành hạ nên anh I buộc phải tiếp tục điện thoại liên lạc với chị T và anh M để mượn tiền trả cho A. Đến

khoảng 22 giờ cùng ngày, qua điện thoại anh M biết anh I đang bị giữ, bị ép buộc trả nợ cho A nên đã đồng ý cùng với K và A đến nhà chị T để lấy tiền. Chị T đồng ý đưa cho A 03 chỉ vàng 24K và 2.000.000đồng và thỏa thuận là tương đương với số tiền là 12.000.000đồng. A đồng ý nhận vàng và tiền, anh M yêu cầu A viết giấy nhận tiền nhưng vì A không biết chữ nên anh M đã viết giấy nhận tiền và K đã ký thay tên A vào giấy nhận tiền rồi chở A về nhà và điện thoại lại cho G biết.

Qua điện thoại G biết được A đã nhận 2.000.000đồng và 03 chỉ vàng 24K, tương đương 12.000.000 đồng và A yêu cầu anh I viết giấy nhận nợ số tiền còn lại là 18.000.000đồng. G xuống quây lễ tân nhà nghỉ xin 01 đôi giấy học sinh và 01 cây viết rồi quay lên phòng, N đọc cho anh I viết giấy nhận nợ. Sau khi anh I viết giấy nhận nợ xong thì G xuống quây lễ tân gặp anh I xin 01 cái áo thun màu đen-sọc trắng đưa cho anh I mặc và gọi xe taxi đến chở anh I về lại X - T - Bình Định. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe taxi đến, G cho anh I về và đưa giấy nhận nợ mà anh I đã viết cho tài xế taxi, dặn lên T sẽ có người lấy giấy nhận nợ và trả tiền xe taxi rồi điện thoại cho A biết. Khi xe taxi đến K - X - T - Bình Định thì A bảo con ruột là V đến gặp và lấy giấy nợ về đưa lại cho A.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 23/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: 03 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ của hiệu vàng Bùi Sơn ở L – X – T – Bình Định tại thời điểm bị cưỡng đoạt có giá trị là 9.900.000 đồng (Chín triệu L trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 07295 ngày 05/7/2018.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 06/7/2018 Tòa án nhân dân huyện T, đã quyết định:

Tuyên bố: A, B phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

* Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo A 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội trên là 18 (*mười tám*) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 27/9/2017 đến ngày 09/02/2018).

* Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều

33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo B 03 (ba) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo B 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội trên là 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự khác.

**/ Ngày 16/7/2018 bị cáo A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.*

**/ Ngày 11/7/2018 bị cáo B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.*

**/ Ngày 18/7/2018 người bị hại I có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A và xin cho bị cáo được hưởng án treo.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại I và bị cáo A giảm 02 tháng tù đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, giảm 03 tháng tù đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo A trình bày luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã áp dụng và áp dụng thêm gia đình bị cáo là gia đình cách mạng; bị cáo không biết chữ nên trình độ nhận thức có giới hạn; bị cáo đã nộp xong toàn bộ tiền khắc phục hậu quả để giảm nhẹ cho bị cáo 04 tháng tù đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, giảm 09 tháng tù đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo A cho rằng từ năm 2014 anh I và nhóm người làm công cho ông I mua hàng của bị cáo nhưng không trả tiền, bị cáo biết bị cáo G (gọi bị cáo A bằng cô ruột) là đối tượng từng có tiền án, tiền sự nên đã nhờ bị cáo G đòi nợ giúp. Khoảng 17 giờ ngày 09/3/2017, khi thấy anh I ngồi uống cà phê tại Nhà hàng G, bị cáo A đã điện thoại cho bị cáo G đến gặp anh I để đòi nợ, bị cáo A đã cùng con ruột là bị cáo K đến nhà hàng gặp anh I đòi nợ. G đã rủ H, B và một số người khác (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) cùng đi. Tại nhà hàng G, do anh I không chịu trả nợ, được sự giúp sức của H, B và những người cùng đi trong nhóm, G đã dùng những lời lẽ thô tục, lớn tiếng đe dọa và dùng tay nắm, kéo, ép buộc anh I lên xe ô tô chở đến nhà nghỉ Thúy Tiên ở khu vực Tiên Hòa, phường B, thị xã M, tỉnh Bình Định giữ anh I trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 22 giờ 30 phút cùng ngày. Tại đây, G đã ép buộc anh I phải trả nợ cho bị cáo A. Bị uy hiếp nên anh I đã nhiều lần liên lạc với chị T mượn 03 chỉ vàng và 2.000.000 đồng (các bị cáo quy thành tiền là 12.000.000 đồng) trả cho A và tiếp tục viết giấy nhận nợ số tiền còn lại 18.000.000 đồng.

[3] Bản án Hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã xét xử các bị cáo A, B về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 123 và Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đơn kháng cáo của các bị và người bị hại trong hạn luật định nên được chấp nhận. Xét kháng cáo của các bị cáo A và B xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; đơn kháng cáo của bị hại I xin cho bị cáo A được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ của hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cũng như đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo B 09 tháng tù đối với 02 tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là đã chiếu cố cho bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo B không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ để xem xét đơn kháng cáo của bị cáo Ninh. Đối với bị cáo A cấp sơ thẩm áp dụng thêm cho bị cáo điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 18 tháng tù đối với hai tội là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo A đã nộp số tiền còn lại 5.900.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả 11.900.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên và cung cấp thêm các tình tiết anh ruột của bị cáo là liệt sĩ, con bị cáo mới hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người bị hại có đơn kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo nên chấp nhận giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo của bị cáo B; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A và người bị hại I; sửa phần hình phạt đối với bị cáo A.

[5] Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng và 5.900.000 đồng bị cáo A đã nộp theo biên lai thu tiền số 07295 ngày 05/7/2018 và số 07304 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T để bảo đảm thi hành án.

- Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A không phải chịu; bị cáo B phải chịu 200.000 đồng.

Vì lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, b Khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A và người bị hại I; sửa phần hình phạt đối với bị cáo A.

2- Áp dụng Khoản 1 Điều 123; Khoản 1 Điều 135; Điểm b, g, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 10 (Mười) tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 27/9/2017 đến ngày 09/02/2018.

3- Áp dụng Khoản 1 Điều 123; Khoản 1 Điều 135; Điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo B 03 (Ba) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4- Tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng và 5.900.000 đồng bị cáo A đã nộp theo biên lai thu tiền số 07295 ngày 05/7/2018 và số 07304 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T để bảo đảm thi hành án.

5- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A không phải chịu; bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

6- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh BĐ;
- Sở tư pháp tỉnh BĐ;
- Cơ quan HSNVCSCA tỉnh BĐ;
- Tòa án, VKS, Công an H.T;
- Chi cục THADS H.T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hải